

SỞ Y TẾ TUYÊN QUANG  
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

\*\*\*

Số: /TMBG-BVĐK  
V/v: Yêu cầu báo giá mua sắm vật tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 09 tháng 01 năm 2025

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Bệnh viện đa khoa Tuyên Quang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Mua vật tư y tế dùng trong các dịch vụ kỹ thuật cao phục vụ công tác chuyên môn năm 2025 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang” với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
  - Ông: Trần Tiến Phi.
  - Chức vụ: Nhân viên phòng Vật tư – Thiết bị y tế, Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang.
  - Số điện thoại: 0328.166.996
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
  - Bản cứng báo giá gửi về địa chỉ: Phòng văn thư, Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, số 44, đường Lê Duẩn, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
  - Bản mềm báo giá gửi về địa chỉ mail: [Phitran2410@gmail.com](mailto:Phitran2410@gmail.com) (Báo giá bản mềm gửi dưới dạng file excel).
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00’’ ngày 10 tháng 01 năm 2025 đến trước 16h00’’ ngày 20 tháng 01 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày ngày 20 tháng 01 năm 2025.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hóa: 78 danh mục

(Có danh mục chi tiết kèm theo)

2. Các đơn vị chào đủ thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa, model, hãng/nước sản xuất, quy cách đóng gói của hàng hóa (Nếu có). Có thể chào cấu hình tương đương hoặc tốt hơn (Có catalog và bảng đáp ứng chứng minh thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn). Số thứ tự của hàng hóa trong Báo giá lấy theo Số thứ tự tại cột “STT chào giá” trong thư mời.

3. Địa điểm cung cấp: Giao hàng tại Kho vật tư – hóa chất của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, số 44, đường Lê Duẩn, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý I năm 2025.

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không

- Thanh toán 100% sau khi chủ đầu tư nhận được đầy đủ hàng hóa, hóa đơn và các giấy tờ pháp lý liên quan.

- Thời gian thanh toán: Tối đa 90 ngày kể từ ngày 2 bên thanh lý hợp đồng.

6. Các thông tin khác (nếu có): Không có.

Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang xin trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: VT; PVT-TBYT;

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hưng Đạo**


**DANH MỤC HÀNG HÓA MUA SẴM**

(Kèm theo Thư mời báo giá số 12 /TM-BVĐK ngày 09/01/2025)

STT	STT chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I		<b>Khoa Ngoại Thần kinh</b>				
1	1	Mũi khoan sọ tự dừng	-Có các kích cỡ đường kính trong/ngoài: 9x12mm, 11x14mm. Chất liệu thép không gỉ, 85Cr17 cho mũi khoan chính và 30Cr13 cho mũi khoan phụ	Cái	50	
2	2	Mũi cắt sọ não		Cái	100	
3	3	Bộ dụng cụ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống không bóng	Bao gồm: - 2 kim chọc dò cán chữ T loại một thì, mũi kim hình vát, chiều dài 141mm, thiết kế 02 nòng, đường kính ngoài 3.5mm - 01 kim chọc dò tạo đường hầm, chiều dài 218mm, đường kính 2.8mm - 06 Kim đẩy xi măng vào thân đốt sống với chiều dài 203mm, đường kính 2.8mm - 01 gói xi măng sinh học kèm dung dịch pha loãng	Bộ	100	
4	4	Bộ bơm xi măng có bóng	Bao gồm: - 02 kim chọc dò cán chữ T mũi vát cỡ 11G, dài 14.1cm, kim có 2 phần vỏ ngoài và nòng trong có thể tháo rời - 02 kim chọc dò tạo đường hầm dài 21.8cm, đường kính 3.5mm - 06 kim chọc đẩy xi măng vào thân đốt sống dài 20.3cm, đường kính 3.5mm - 02 bóng nong thân đốt sống dài 15mm, áp lực tối đa 400PSI - 02 Bơm áp lực cho bóng nong có tay cầm dạng chữ T - 01 Bộ trộn đồ xi măng - 01 gói xi măng sinh học kèm dung dịch pha.	Bộ	200	
5	5	Bộ dẫn lưu não thất ra ngoài (Kèm theo catheter dẫn lưu não thất)	Bao gồm catheter dẫn lưu não thất dài 35cm, đường kính ngoài 3.0mm Bình chứa dung tích 75ml hoặc 100ml Hệ thống van: 1 van khóa ba chiều, một van chữ Y, 1 van chống trào ngược, 1 van giám sát ICP.	Bộ	10	
6	6	Bộ dẫn lưu não thất ổ bụng có van tự cân bằng áp lực	Chất liệu Silicon, áp lực từ 3 cmH2O đến 11 cmH2O. Bao gồm: catheter não thất, catheter ổ bụng, có van tự cân bằng áp lực.	Bộ	5	
7	7	Thanh luồn dưới da	Độ dài 50cm, dùng luồn catheter dưới da, chất liệu thép không gỉ	Cái	5	
8	8	Nẹp cố định xương sọ (Loại không dùng vít)	Chất liệu Titanium nguyên chất TA2, đường kính 16mm và 18mm, thiết kế bánh răng chống	Cái	150	

STT	STT chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
			xoay. Không bị ảnh hưởng khi chụp CT và MRI			
9	9	Bộ nẹp vít cổ trước	Bao gồm: - Miếng đĩa đệm cổ: Vật liệu PEEK, kích thước 14x12, 14x14, 16x14mm; chiều cao 5, 6, 7, 8, 9, 10mm - Sản phẩm sinh học thay thế xương 2,5 cc: Tăng cường phản ứng mô tạo xương - Nẹp cổ trước 1 tầng: dày 2.0mm chất liệu Titanium. Kích thước từ 21-45mm (bước tăng 2mm) - Nẹp cổ trước 2 tầng: dày 2.0mm chất liệu Titanium. Kích thước từ 37-55mm (bước tăng 2mm) - Vít cổ trước tự khóa: Chất liệu hợp kim Titanium. Vít có nhiều đường kính (3.5, 4.0, 4.35) dài từ 10-20mm	Bộ	10	
10	10	Bộ nẹp vít cổ sau	Bao gồm: - Nẹp dọc cổ sau: Chất liệu Titanium. Thanh dọc có đường kính 3.5mm, chiều dài 30-240mm - Ốc khóa cổ sau dùng cho vít đa trục cổ sau: Chất liệu hợp kim Titanium. Đường kính ngoài 6.0mm, đường kính trong 5.0mm, bước ren 1mm, chiều cao ốc khóa 3.4mm - Vít cổ sau: Chất liệu hợp kim Titanium, có kích thước 3.5, 4.0, 4.5x10-50mm. Mũ vít có đường kính trong 6.2mm, đường kính ngoài 7.6mm, chiều cao mũ vít 10.4mm, bước ren 2.5mm	Bộ	10	
11	11	Bộ nẹp vít ít xâm lấn bơm xi măng	Bao gồm: - Vít cột sống qua da kèm ốc khóa trong có lỗ bơm xi măng: Thân vít tự khoan, rỗng nông, có lỗ bơm xi măng trên thân. Đường kính ngoài 5/6/7/8mm, chiều dài từ 35-55mm (bước tăng 5mm) - Nẹp dọc cong: Chất liệu hợp kim Titanium. Nẹp dọc đường kính 5.5mm và 6.0mm, chiều dài từ 20-100mm (bước tăng 5mm), 110-120mm - Xi măng - Kim chọc bơm xi măng: Mũi vít, kim làm bằng thép không gỉ. Kim chọc dò loại 11G/13G chiều dài làm việc 125mm, chiều dài tổng là 189mm.	Bộ	10	

STT	STT chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
12	12	Bộ dụng cụ bơm xi măng qua da không bóng loại kim cong đi kim một bên	<p>Bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ bơm áp lực đẩy xi măng: Có tính năng tự động kiểm soát áp lực. Áp lực tối đa 120 bar, dung tích 10cc.</li> <li>- Xi măng</li> <li>- Kim chọc dò cuống sống: Có các chiều dài 100, 120, 130, 180, 190. Đường kính kim rỗng nòng bên ngoài: 2.0, 2.8, 3.0, 3.7, 4.2mm; đường kính trong: 1.4, 2.1, 3.0, 3.7mm</li> <li>- Kim chọc bơm xi măng không bóng loại cong: Dạng cong, chất liệu PEEK: chọc cuống xương một bên. Phần kim cong dài 23mm, đường kính ngoài 2.8mm, đường kính trong 2.2mm</li> </ul>	Bộ	50	
<b>II</b>		<b>Khoa Nội tim mạch</b>				
1	13	Stent mạch vành thiết kế thanh siêu mỏng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Cobalt Crom L-605 có liên kết dây với dây, Polymer mang thuốc cấu trúc <math>\geq 3</math> lớp</li> <li>- Độ dày stent 60 <math>\mu\text{m}</math> cho tất cả các đường kính</li> <li>- Thuốc: Sirolimus, nồng độ <math>\geq 1.4 \mu\text{g}/\text{mm}^2</math></li> <li>- Áp suất danh định: 8atm, 10atm, 11 atm. Áp suất nổ: 16atm</li> <li>- Đường kính tối thiểu <math>\leq 2.0\text{mm}</math>, tối đa <math>\geq 4.50\text{mm}</math>.</li> <li>- Chiều dài tối thiểu <math>\leq 8\text{mm}</math>, tối đa <math>\geq 48\text{mm}</math></li> </ul>	Cái	20	
2	14	Bóng nong động mạch vành áp lực thường cho tổn thương vôi hóa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính đầu tip nhỏ nhất <math>\leq 0.399 \text{ mm}</math></li> <li>- Đường kính qua tổn thương nhỏ nhất <math>\leq 0.57\text{mm}</math></li> <li>- Chiều dài Vai bóng <math>\leq 0.5\text{mm}</math></li> <li>- Chiều dài catheter <math>\geq 1460\text{mm}</math></li> <li>- Đường kính đầu gần 1.8F, 2.0F, Đầu xa 2.3F, 2.5F</li> <li>- Đường kính tối thiểu <math>\leq 1.0\text{mm}</math>, tối đa <math>\geq 4.0\text{mm}</math></li> <li>- Chiều dài: tối thiểu <math>\leq 6\text{mm}</math>; tối đa <math>\geq 30 \text{ mm}</math></li> </ul>	Cái	20	
3	15	Bóng nong động mạch vành áp lực siêu cao cho tổn thương phức tạp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính đầu tip <math>\leq 0.43\text{mm}</math></li> <li>- Đường kính băng qua tổn thương nhỏ nhất <math>\leq 0.69\text{mm}</math></li> <li>- Chiều dài vai bóng <math>\leq 2.5\text{mm}</math></li> <li>- Áp suất giới hạn lên tới 22atm.</li> <li>- Chiều dài trục ống thông <math>\geq 146\text{cm}</math></li> <li>- Đường kính bóng tối thiểu <math>\leq 1.5\text{mm}</math>, tối đa <math>\geq 4.5 \text{ mm}</math></li> <li>- Chiều dài bóng tối thiểu <math>\leq 8\text{mm}</math>, tối đa <math>\geq 30\text{mm}</math></li> </ul>	Cái	20	

STT	STT chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
4	16	Dụng cụ hút huyết khối có nòng hút cực lớn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 2 loại có lõi và không lõi. Cỡ 6F (1.0mm và 1.16mm), 7F (1.25mm và 1.36mm) gồm: 1 ống nối dài, 2 xy lanh 30ml, 2 bộ lọc tế bào, 1 vòi khoá, 1 kim phun</li> <li>- Đường kính đầu tip <math>\leq 1.4F</math>.</li> <li>- Chiều dài đoạn luồn dây dẫn dài từ 12cm- 20cm</li> <li>- Phù lớp ái nước <math>\leq 30cm</math> từ đầu tip</li> </ul>	Bộ	2	
5	17	Bơm tiêm thuốc cân quang	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bơm tiêm thuốc cân quang dung tích: 1, 10, 20ml</li> <li>- Pittong thiết kế 5 màu sắc khác nhau: trắng, xanh dương, đỏ, vàng, xanh lá</li> <li>- Chất liệu polycarbonate</li> </ul>	Cái	300	
6	18	Bộ kết nối Manifolds nhiều cổng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Áp lực lên tới 500psi. Có 2,3,4 cổng phù hợp với nhu cầu sử dụng khác nhau. Loại 3 cổng có sẵn dây nối dài 20cm đối với cổng kết nối dạng xoay</li> <li>- Đường kính 0.093"; Có thể xoay 360 độ</li> <li>- Tay cầm phủ silicon chắc chắn chống trơn trượt khi thao tác</li> </ul>	Cái	400	
7	19	Bộ bơm bóng áp lực cao và bộ kết nối chữ Y	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ bơm bóng áp lực cao bao gồm: Bơm, van cầm máu, khoá 3 ngã ; dụng cụ nong, dây nối ngắn, que lái dây dẫn</li> <li>- Dây nối áp lực cao 12"x1200 psi</li> <li>- Dung tích <math>\leq 20ml</math>. Áp lực <math>\leq 30atm</math></li> <li>- Thiết kế vị trí tay cầm hình tròn và chữ T</li> <li>- Dụng cụ kết nối chữ Y có 3 loại bấm, đẩy, xoay có đường kính 0.093" (2.36mm)</li> </ul>	Bộ	150	
8	20	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: polypropylene hoặc tương đương</li> <li>- Đủ các cỡ 5F, 6F, dài 7cm, 11cm và 16 cm tùy cỡ. Mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau ghi và xanh lá</li> <li>- Chiều dài que nong: 129mm, 169mm, 219mm</li> <li>- Dây dẫn đường làm bằng thép không rỉ, đường kính 0.021", dài 45cm,</li> <li>- Kim chọc mạch cỡ 21G x 4cm</li> </ul>	Bộ	50	
9	21	Dây bơm thuốc cân quang áp lực cao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều dài có 30cm, 60cm, 90cm, 120cm, 150 cm</li> <li>- Áp lực tối đa dòng chảy máu <math>\geq 1200psi</math></li> <li>- Chất liệu nhựa PUR</li> </ul>	Cái	300	

STT	STT chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
10	22	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc	<p>Stent động mạch vành các cỡ phủ thuốc có phủ lớp polymer sinh học tự tiêu, chất liệu khung cobalt-crom (CoCr L605) Lớp polymers tự tiêu: PLLA &amp; PLGA</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Polymers tự tiêu hoàn toàn trong khoảng từ 6 đến 9 tháng</li> <li>- Stent Strut thickness: 75<math>\mu</math>m, Lớp phủ 5<math>\mu</math>m</li> <li>- Bề rộng nhánh stent 80<math>\mu</math>m</li> <li>- Bề dày link kết nối hình chữ S: 65<math>\mu</math>m</li> <li>- Áp lực danh định (NP) 10 atm, áp lực nổ (RBP): 18atm</li> <li>- Đường kính stent: từ 2.25; 2.5; 2.75; 3.0; 3.5; 4.0mm</li> <li>- Độ dài stent: từ 13; 16; 19; 23; 29; 33; 38; 48, 58mm</li> <li>- Đường kính đầu gần 2.1F, đường kính đầu xa 2.8F</li> <li>- Hệ thống catheter: 145cm</li> <li>- Crossing profile: 1.05mm</li> </ul>	Cái	65	
11	23	Bóng nong áp lực thường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Entry profile: 0.017"</li> <li>- Áp lực định danh: <math>\leq 11</math> atm</li> <li>- Áp lực nổ tối đa: <math>\leq 20</math> atm</li> </ul> <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính: 1.5; 2.0; 2.5; 3.0; 3.5; 4.0mm</li> <li>- Chiều dài: 10mm, 15mm, 20mm.</li> </ul>	Cái	60	
12	24	Bóng nong mạch vành bán đàn hồi chịu được áp lực cao	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu bóng: Polyamide</li> <li>- Chiều dài hệ thống: <math>\geq 138</math> cm</li> <li>- Áp lực định danh: <math>\geq 11</math> atm</li> <li>- Áp lực nổ tối đa: <math>\geq 21</math> atm</li> </ul> <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính: <math>\leq 5.0</math> mm</li> </ul>	Cái	60	
13	25	Bóng nong mạch vành phủ thuốc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bóng nong động mạch vành phủ thuốc bởi 3 lớp 3D-Dextran-Paclitaxel Matrix. - Bóng phủ 3 lớp thuốc</li> <li>- Chất liệu: Nylon</li> <li>- Áp lực định danh: 6atm.</li> <li>- Áp lực vỡ bóng: 14atm</li> <li>- Đường kính bóng: <math>\leq 1.5</math>mm đến <math>\geq 4.0</math>mm.</li> <li>- Chiều dài bóng: <math>\leq 10</math>mm đến <math>\geq 40</math>mm</li> </ul>	Cái	20	
14	26	Ống thông trợ giúp can thiệp động mạch vành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Catheter trợ giúp can thiệp động mạch vành/ thận, thiết kế bằng kỹ thuật đan lưới lồng ống Full-Wall, giúp kháng xoắn và kháng bẹp khi can thiệp</li> <li>- Có tối thiểu các loại đầu cong: *EBU, JL JR, AL, SAL, MB dài 90cm, 100cm</li> <li>*IMA dài tối thiểu 55cm</li> <li>- Đường kính từ 5F-8F</li> </ul>	Cái	150	

STT	STT chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
15	27	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Zotarolimus cho tổn thương phức tạp hoặc thân chung	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khung giá đỡ (stent) mạch vành chất liệu hợp kim Cobalt Platinum</li> <li>- Iridium, phủ thuốc Zotarolimus trộn với polymer Biolinx</li> <li>- Đường kính khung tối thiểu 2.0mm, tối đa 5.0mm</li> <li>- Chiều dài khung tối thiểu 8mm, tối đa 38mm</li> </ul>	Cái	30	
16	28	Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng có đáp ứng tần số	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Khả năng lưu EGM 24 giây/ 4 cơn</li> <li>• Tự động tạo nhịp, nhận cảm và theo dõi điện cực</li> <li>• Cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn gấp 4 lần</li> <li>• Tương thích MRI 1,5T và 3T không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân</li> <li>• Lập trình cơ bản dựa vào các điều kiện của bệnh nhân: Tình trạng buồng nhĩ, dẫn truyền nhĩ thất, suy tim, tuổi và mức độ hoạt động</li> <li>• Tần số hoạt động ở chế độ nam châm 85 chu kỳ/ phút</li> <li>• Biểu đồ ngưỡng tạo nhịp và trở kháng dây dẫn được ghi lại 14 tháng</li> </ul>	Bộ	3	
17	29	Máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tạo nhịp đáp ứng tần số</li> <li>• Tương thích MRI 1,5T và 3T không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân</li> <li>• Liệu pháp để thúc đẩy tạo nhịp sinh lý</li> <li>• Cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn gấp 4 lần</li> <li>• Quản lý tạo nhịp nhĩ và quản lý tạo nhịp thất</li> <li>• Tự động tạo nhịp, nhận cảm và theo dõi điện cực</li> <li>• Lập trình cơ bản dựa vào các điều kiện của bệnh nhân: Tình trạng buồng nhĩ, dẫn truyền nhĩ thất, suy tim, tuổi và mức độ hoạt động</li> <li>• Biểu đồ ngưỡng tạo nhịp và trở kháng dây dẫn được ghi lại 14 tháng</li> <li>• Tần số hoạt động ở chế độ nam châm 85 chu kỳ/ phút</li> </ul>	Bộ	5	
18	30	Bóng nong (balloon), bóng bơm ngược dòng động mạch chủ, bóng tách rời, bóng chẹn các loại, các cỡ	<p>Thiết diện đầu vào tổn thương nhỏ đường kính 0.41mm (0.016") . Chất liệu siêu mỏng giúp bóng mỏng hơn 15%.Thiết diện vượt qua tổn thương đạt 0.027". Phủ lớp phủ bên ái nước. Đánh dấu bắt cân quang bằng chất liệu Platinum iridium. Bóng đường kính 1.5 mm có 1 điểm đánh dấu bắt cân quang, bóng đường kính 2.0-4.0mm có 2 điểm đánh dấu bắt cân quang. Chiều dài</p>	Cái	20	



STT	STT chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
			Catheter: 142 cm. 64 cỡ bóng từ đường kính 1.5 - 4.0 chiều dài 6 đến 30mm. Bóng có nếp gấp: Bóng 1.5mm: 2 nếp gấp, Bóng 2.0- 3.5mm: 3 nếp gấp, Bóng 3.75-4mm: 5 nếp gấp. Có thể bơm đến áp lực vỡ bóng 10 lần mà không vỡ. Áp lực bơm bóng thường 08 atm, áp lực vỡ bóng 14 atm			
19	31	Bóng nóng (balloon), bóng bơm ngược dòng động mạch chủ, bóng tách rời, bóng chẹn các loại, các cỡ	Chịu được áp lực cao 20 atm. Thiết kế đầu vào thuận dài và thiết diện đầu vào tọn thương nhỏ (0.015"). Lớp phủ bền ái nước chọn lọc. Vật liệu nhẹ có độ dẫn nở theo trục bóng thấp, kiểm soát lực cao. Hai điểm đánh dấu bắt cân quang chất liệu Platinum iridium. Chiều dài ống thông: 142 cm. Kích thước: 2.0, 2.25 chiều dài 6, 8,12,15,20mm. Kích thước: 2.5, 2.75, 3.0, 3.25,2.5,3.75, 4.0 chiều dài từ 6, 8,12,15,20, 27mm. Kích thước: 4.5 chiều dài 8,12, 15, 20mm. Kích thước: 5.0 chiều dài 8,12,15mm. Bóng 2.0-3.75mm: 3 lớp gấp. Bóng 4.0-5.0mm: 5 lớp gấp. Có thể bơm bóng đến áp lực vỡ bóng 20 lần mà không vỡ. Đường kính thân ống đoạn gần 0.69mm, đoạn xa 0.84mm với bóng có đường kính 2.0-3.75mm. Đường kính thân ống đoạn gần 0.69mm, đoạn xa 0.91mm với bóng có đường kính 4.0-5.0mm.	Cái	20	
20	32	Dụng cụ lấy dị vật trong lòng mạch	Đường kính vòng 5 tới 35mm, chiều dài dụng cụ 65cm hoặc 120cm, chiều dài ống thông 48 cm hoặc 102cm, kích thước ống thông 4F hoặc 6F. Mỗi bộ gồm: 1 dụng cụ lấy dị vật (snare), 1 ống thông, 1 dụng cụ mở đường (snare introducer), 1 thiết bị xoay (torque device) Thiết kế vòng vuông góc 90° Dây cáp chất liệu Nitinol, vòng chất liệu tungsteng mạ vàng. Có marker của ống thông bằng Platinum-Iridium	Cái	1	
21	33	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Cấu trúc: - Chất liệu CoCr L605. Độ dày thành stent nhỏ nhất 75 µm - Nồng độ phủ thuốc Sirolimus 1.4 µg/mm <sup>2</sup> - Sử dụng polymer fluoroacrylate - Tỷ lệ co ngán < 5% - Tỷ lệ chiều dài rút lại sau khi mở stent < 3% - Áp lực định danh (NP): 9-12 atm; áp lực căng bóng tối đa (RBP): 16 atm; áp lực vỡ bóng trung bình (ABP): 22 atm - Khả năng mở rộng so với đường kính định danh tối đa 6.00mm Kích thước: - Chiều dài catheter (cm): 142	Cái	35	

STT	STT chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
			- Đường kính (mm): 2.00, 2.25, 2.50, 2.75, 3.00, 3.50, 4.00, 4.50 - Chiều dài (mm): 9, 14, 16, 19, 24, 29, 34, 39, 44, 49			
22	34	Bóng nong mạch vành áp lực thường	Cấu trúc: - Đường kính đầu tip 0.016" - Áp lực thường (NP): 6 atm; Áp lực căng bóng tối đa (RBP): 16 atm; Áp lực vỡ bóng trung bình (ABP): 20 atm Kích thước: - Chiều dài catheter (cm): 142 - Đường kính (mm): 1.25, 1.50, 2.00, 2.25, 2.50, 2.75, 3.00, 3.25, 3.50, 3.75, 4.00, 4.50, 5.00 - Chiều dài (mm): 10, 15, 20, 25, 30, 40	Cái	30	
23	35	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	Cấu trúc: - Đường kính đầu tip 0.016" - Áp lực thường (NP): 12 atm; Áp lực căng bóng tối đa (RBP): 18-20 atm; Áp lực vỡ bóng trung bình (APB): 25 atm Kích thước: - Chiều dài catheter (cm): 142 - Đường kính (mm): 2.00, 2.25, 2.50, 2.75, 3.00, 3.25, 3.50, 3.75, 4.00, 4.50, 5.00 - Chiều dài (mm): 6, 8, 10, 12, 15, 20, 25, 30	Cái	30	
24	36	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc	Cấu trúc: - Phủ thuốc Paclitaxel với tỷ lệ tá dược 20:80 - 2 marker cân quang chất liệu Pt/Ir Kích thước: - Chiều dài catheter (cm): 142 - Đường kính (mm): 1.50, 2.00, 2.25, 2.50, 2.75, 3.00, 3.25, 3.50, 3.75, 4.00, 4.50 - Chiều dài (mm): 10, 15, 20, 25, 30, 40	Cái	20	
25	37	Bóng nong mạch vành áp lực thường cho tổn thương dài	Bóng nong mạch vành áp lực thường cho tổn thương dài - Khẩu kính thâm nhập 0.017" - Chiều dài catheter 140cm - Áp lực thường $\geq 6$ bar, Áp lực vỡ bóng $\geq 16$ bar. - Đường kính bóng tối thiểu từ $\leq 1.5$ mm đến tối đa $\geq 5$ mm. - Chiều dài bóng tối thiểu từ $\leq 8$ mm đến tối đa $\geq 45$ mm.	Cái	70	
26	38	Bóng nong mạch vành áp lực cao cho tổn thương dài	Bóng nong mạch vành áp lực cao đáp ứng tổn thương dài - Khẩu kính 0.017" - Chiều dài catheter 140cm - Áp lực thường $\geq 12$ bar, Áp lực vỡ bóng $\geq 20$ bar. - Đường kính bóng tối thiểu từ $\leq 1.5$ mm đến tối đa $\geq 5$ mm. - Chiều dài bóng tối thiểu từ $\leq 6$ mm đến tối đa $\geq 50$ mm	Cái	70	

STT	STT chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
27	39	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc Paclitaxel	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc Paclitaxel. Bóng làm bằng chất liệu Polyamide blend hoặc tương đương. - Phủ thuốc $3\mu\text{g}/\text{mm}^2$ , hạt thuốc $0.1\mu\text{m}$ - Khẩu kính thâm nhập $0.016''$ - Chiều dài catheter 140cm - Áp suất vỡ bóng trung bình: 22 bar - Đường kính tối thiểu từ $\leq 2.00\text{mm}$ đến tối đa $\geq 4.00\text{mm}$ - Chiều dài tối thiểu từ $\leq 15\text{mm}$ đến tối đa $\geq 30\text{mm}$	Cái	20	
28	40	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus cho tổn thương vô hóa hoặc xoắn vặn	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus có trộn polymer cho tổn thương vô hóa hoặc xoắn vặn. - Mật độ phủ thuốc $1.25\mu\text{g}/\text{mm}^2$ . - Khẩu kính băng qua tổn thương nhỏ nhất $0.90\text{mm}$ - Độ dày khung $\geq 71\mu\text{m}$ - Đường kính tối thiểu $\leq 2.25\text{mm}$ , tối đa $\geq 5.0\text{mm}$ - Chiều dài tối thiểu từ $\leq 8\text{mm}$ , tối đa $\geq 40\text{mm}$	Cái	90	
29	41	Bộ dụng cụ bơm bóng áp lực cao	Bộ bơm gồm có: bơm áp lực cao có tay cầm ngang chống trượt, dây nối kèm stopcock, chữ Y dạng bấm (pushclick), dụng cụ xoay dây dẫn, kim luồn dây dẫn. - Bơm áp lực cao: vật liệu Polycarbonate, dung tích bơm $\geq 20\text{ml}$ , áp suất $\geq 30\text{bar}$ . - Đồng hồ áp lực phát quang	Cái	50	
30	42	Bộ kết nối 3 cổng	- Bộ kết nối (manifold) chịu áp lực cao lên $\geq 600\text{psi}$ . - Có $\geq 3$ cổng phù hợp với nhu cầu sử dụng khác nhau. - Cổng xoay ON, OFF	Bộ	100	
31	43	Bơm tiêm thuốc cân quang	Bơm tiêm đầu xoay làm từ Polycarbonate . - Pittong kín khí, không bị rò rỉ khi bơm. - Đầu Luer cố định, không chứa latex. - Dung tích 1, 3, 6, 10, 20, 30 ml tương ứng chiều dài 57, 45, 46, 47, 64, 79 (mm). - Tiệt trùng: EO	Cái	100	

STT	STT chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
32	44	Bộ sàng (khăn) chụp mạch vành 3 lỗ	<p>Bộ sàng (khăn) chụp mạch vành 3 lỗ gồm các thành phần chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 Khăn chụp mạch vành 370x220 (cm): thiết kế kết hợp với nhiều vùng vật liệu khác nhau như PE trong suốt, SM, SPP.</li> <li>- 01 Tấm phủ đa dụng 150x140 (cm): làm từ vật liệu PE trong suốt.</li> <li>- 01 Tấm phủ chắn chì 150x140 (cm): làm từ vật liệu PE trong suốt.</li> <li>- 01 Khăn trải bàn dụng cụ 200x140 (cm): làm từ vật liệu PE trong suốt.</li> <li>- 01 Bao chụp đầu đèn Ø 60 (cm): làm từ vật liệu PE, có thun cố định ở miệng bao.</li> <li>- 01 Bao kính chắn chì 90x75 (cm) hoặc 120 x 120 (cm): làm từ vật liệu PE trong suốt, có thun cố định ở miệng bao.</li> <li>- 01 Bao đựng remote 26x10 (cm): làm từ vật liệu PE.</li> <li>- 04 Khăn tay thấm 40x40 (cm): làm từ vải không dệt Spunlace. Bao sơ cấp đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC</li> </ul> <p>Tiệt trùng: EO/CO2 tỉ lệ 20:80, Tồn dư ≤ 4 mg/ sản phẩm</p>	Bộ	500	
33	45	Áo choàng phẫu thuật	<p>Bao gồm: áo choàng phẫu thuật và khăn thấm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 áo choàng phẫu thuật làm từ vật liệu SMS có kích thước: (123 x 150) cm (dài x rộng),</li> <li>- Vùng tăng cường vị trí ngực kích thước 40 x 59cm và khuỷu tay làm từ vật liệu PE cán lớp SS</li> <li>- 02 khăn thấm có độ thấm hút cao.</li> </ul> <p>- Tiệt trùng: Ethylene Oxide</p>	Cái	1300	
34	46	Bóng nong mạch vành áp lực thường	<p>Bóng nong mạch vành áp lực thường không phủ thuốc vật liệu QuadFlex. Biên dạng đầu tip nhỏ 0.017". Có lớp phủ tăng cường SiLX2 tăng độ trơn trượt. Chiều dài khả dụng: ≥ 138 cm.</p> <p>Đường kính: 1.25 ; 1.50 ; 2.00 ; 2.25 ; 2.50 ; 2.75 ; 3.00 ; 3.50 ; 4.00 ; 4.50 mm;</p> <p>Chiều dài: 09 ; 12 ; 15 ; 20 ; 30 ; 40 mm;</p> <p>Áp suất danh định: 6 atm,</p> <p>Áp suất nổ giới hạn: 14-16 atm.</p> <p>Số nếp gấp bóng theo kích thước: 1.25 – 1.5 mm: 2 cánh . 2.00 – 4.5 mm: 3 cánh.</p>	Cái	20	

STT	STT chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
35	47	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Bóng nong mạch vành áp lực cao không phủ thuốc vật liệu QuadFlex gắn đầu cân quang platinum. Biên dạng đầu tip $\leq 0.017''$ . Thời gian trung bình làm xẹp bóng $< 7s$ (3.00x21 mm). Có lớp phủ tăng cường SiLX2 tăng độ trơn trượt. Chiều dài khả dụng: $\geq 138$ cm. Đường kính: từ 2.5 ; 2.75 ; 3.00 ; 3.25 ; 3.50 ; 3.75 ; 4.00 mm; Chiều dài: 09 ; 13 ; 17 ; 21 ; 25 ; 33 mm; Áp suất danh định: 12 atm. Áp suất nổ giới hạn: 19-20 atm. Số nếp gấp bóng: 03 cánh.	Cái	20	
36	48	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc sirolimus	Khung stent làm từ vật liệu: CoCr (Cobalt Chromium L605). Thiết kế 6 đỉnh đến 8 đỉnh. Độ dày thanh chống: $\geq 65\mu m$ . Thuốc phủ: Sirolimus: $\geq 1.33\mu g/mm^2$ . Polymer tự tiêu: PLGA/PLLA.. Chiều dài stent nhỏ nhất $\leq 8$ mm, chiều dài stent lớn nhất $\geq 48$ mm. Đường kính stent nhỏ nhất $\leq 2.0$ mm, đường kính stent lớn nhất $\geq 4.50$ mm. Biên dạng đầu tip: $\leq 0.016''$ (0.41 mm). Áp suất danh định: 7 bar. Áp suất giới hạn: 16 bar (ngoại trừ đường kính 4.50 mm – 14 bar). Có tem chỉ thị nhiệt độ trên vỏ hộp.	Cái	20	
37	49	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus cho tổn thương hẹp khít mãn tính	Cấu trúc - Thành mỏng $80\mu$ làm bằng chất liệu Cobalt Chromium L605, được phủ phía ngoài áp thành mạch lớp polymer tự tiêu Poly (DL-lactideco caprolactone) kiểu Abluminal & Gradient, trộn thuốc Sirolimus liều lượng $3,9\mu g/$ chiều dài khung giá đỡ. Thời gian phân hủy polymer và giải phóng thuốc trong 3-4 tháng. - Thiết kế mắt cáo sắp xếp theo hình vây rắn, có khả năng mở nhánh với 2 link liên kết. Độ mở nhánh cho stent có đường kính 3.5mm): $14.5mm^2$ Thông số hệ thống đẩy stent: + Khẩu kính đầu vào: $0.018''/0.45mm$ + Vật liệu bóng nong: Nylon 12 + Áp lực tham chiếu: 9atm, áp lực tối đa 14-16atm + Khẩu kính băng qua tổn thương $0.044''$ (với cỡ 3.0mm) + Đường kính trục đoạn xa: 2.7Fr	Cái	30	

STT	STT chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
			<p>có lớp phủ ái nước, đoạn gần 1.9Fr</p> <p>+ Độ dài trực: 144 cm</p> <p>Kích cỡ khung giá đỡ:</p> <p>+ Dài: 9, 12, 15, 18, 21, 24, 28, 33, 38mm</p> <p>+ Đường kính 2.25, 2.50, 2.75, 3.00, 3.50, 4.00mm</p>			
38	50	Bóng nong mạch vành loại áp lực cao cho tổn thương thông thường	<p>Cấu trúc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bóng có cấu trúc 3 lớp: lớp giữa là polyamide, lớp trong và lớp ngoài là elastomer</li> <li>- Số điểm cân quang định vị bóng: 2</li> <li>- Vai bóng ngắn và tròn 3.0mm, đặc biệt cân cho kỹ thuật Proximal Optimisation Technique (POT) trong tổn thương nhánh</li> <li>- Áp lực định mức: 12atm. Áp lực tối đa 22atm</li> </ul> <p>Thông số trực đẩy bóng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khẩu kính đầu vào: 0.43mm</li> <li>- Đường kính trực: 1.9Fr đoạn gần dễ dàng thực hiện kỹ thuật Kissing Balloon; 2.5Fr đoạn giữa; 2.6Fr đoạn xa</li> <li>- Độ dài trực: 145 cm</li> <li>- Lớp phủ ái nước Hydrophilic</li> </ul> <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính 2.00, 2.25, 2.50, 2.75, 3.00, 3.25, 3.50, 3.75, 4.00, 4.50, 5.00mm.</li> <li>- Chiều dài 6, 8, 12, 15, 20, 25, 30mm</li> </ul>	Cái	20	
39	51	Bóng nong mạch vành loại áp lực thường	<p>Cấu trúc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bóng nong được làm bằng vật liệu Polyamide.</li> <li>- Số điểm cân quang định vị bóng: đơn hoặc đôi</li> <li>- Áp lực định mức: 6atm. Áp lực tối đa 14atm (với cỡ bóng ≤ 3.0mm)</li> <li>- Entry profile: 0.41mm. Đầu tip làm bằng vật liệu Elastomer</li> <li>- Crossing Profile: 0.58mm</li> <li>- Đoạn xa được phủ lớp ái nước M Coat</li> <li>-Đoạn kết nối giữa bóng và đầu tip (bonding part) chỉ 0.4mm.</li> <li>-Điểm đánh dấu cân quang dài 0.8mm và dày 25µm</li> <li>-Đường kính trực: 1.9Fr đoạn gần, 2.4Fr - 2.7Fr đoạn xa</li> <li>- Độ dài trực: 145 cm</li> </ul> <p>Kích thước bóng: Đường kính: 1.0mm, 1.25mm, 1.5mm, 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm; 3.25mm, 3.5mm, 3.75mm, 4.0mm. Chiều dài 5mm, 10mm, 15mm, 20mm, 30mm, 40mm</p>	Cái	20	

STT	STT chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
40	52	Ống thông trợ giúp can thiệp siêu nhỏ	<p>Cấu tạo: Đầu vào dài 0.7mm. Sau đoạn đầu vào là điem đánh dấu bằng vàng dài 0.7mm để tăng cường khả năng nhận diện. Cấu trúc lõi là lớp bện bằng thép không gỉ (SUS braid) xuyên suốt thành ống giúp tăng độ bền. Mặt trong phủ PTFE và mặt ngoài phủ lớp ái nước Hydrophilic. Kính thước: - Đường kính ngoài: đoạn xa 1.8Fr, đoạn gần 2.6Fr - Đường kính trong: đoạn xa 0.018", đoạn gần 0.021" - Chiều dài: 130 cm hoặc 150 cm - Tương thích guidewire 0.014"</p>	Cái	2	
41	53	Dây dẫn đường cho bóng và stent loại đầu mềm quạt ngược	<p>Cấu tạo trực với công nghệ nối trực tiếp DuoCore, không mối hàn - Kích thước: 0.014" x 180cm - Chiều dài đoạn xa có lớp cuộn phía ngoài: 25 cm - Chiều dài phần đầu cán quang: 3 cm Vật liệu: - Phần lõi: Nickel - Titanium - Đoạn đầu của lớp cuộn: Platinum - Đoạn sau của lớp cuộn: thép không gỉ Lớp phủ: - Cho lớp cuộn: Hydrophilic coating (M coat) - Cho đoạn gần và đoạn giữa: PTFE coating và Silicone coating Đầu gần được đánh dấu giúp dễ phân biệt loại dây dẫn: - Floppy: không đánh dấu - Extra Floppy: một dấu - Hypercoat: hai dấu - Intermediate: ba dấu</p>	Cái	200	
42	54	Catheter chụp động mạch vành 2 bên	<p>Cấu tạo: thiết kế theo công nghệ sợi bện kép (double-wire braiding tech), đoạn đầu xa không bện, tiếp theo là đoạn được bện dày và bện thưa hơn ở đoạn gần. - Vật liệu thành ống: các loại Polyamide khác nhau trong cấu trúc ống 2 lớp - Hình dạng đầu cho can thiệp qua đường quay: Brachial Type (Tiger) - Thành ống mỏng, lòng ống rộng cho tốc độ dòng chảy tối đa 23mL/ giây (cỡ 5Fr). Áp lực tối đa 1,200 psi (8.247kPa) - Tương thích guidewire 0.038" - Đường kính 5Fr (lòng rộng 1.20mm), chiều dài 100cm - 120cm.</p>	Cái	450	

STT	STT chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
43	55	Dây dẫn đường cho catheter ái nước	<p>Cấu tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lõi là hợp kim Nitinol siêu đàn hồi.</li> <li>- Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cân quang bằng lớp Tungsten.</li> <li>- Lớp phủ ái nước hydrophilic M Coat.</li> </ul> <p>Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong hoặc hình chữ J (Straight, Angled, J-Curve)</p> <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều dài dây dẫn: 150 cm</li> <li>- Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm</li> <li>- Đường kính: 0.025", 0.035", 0.038"</li> </ul>	Cái	500	
44	56	Bộ mở đường vào động mạch quay loại ái nước	<p>Cấu tạo gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim luồn cỡ 20G x 11/4".</li> <li>- Mini guidewire plastic cỡ 0.025" x 45cm hoặc 0.025" x 80cm</li> <li>- Bơm tiêm 2.5ml</li> <li>- Introducer Sheath</li> <li>- Dilator (que nong)</li> <li>- Dao rạch da</li> </ul> <p>Đặc điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Van cầm máu kiểu "Cross-Cut"</li> <li>- Sheath có phủ lớp ái nước M Coat, lực cản chỉ bằng 1/2 so với sheath thông thường, giảm cảm giác khó chịu cho bệnh nhân</li> <li>- Kích thước: đường kính 5F-6F, dài 10cm hoặc 16cm</li> </ul>	Cái	300	
45	57	Catheter chụp mạch vành trái, phải,...	<p>Cấu tạo: 3 lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lớp trong và lớp ngoài là Nylon-Polyurethan.</li> <li>- Lớp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ (SUS) (32 sợi)</li> <li>- Kích thước: đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) - 5Fr (lòng rộng 1.20mm), dạng JR, JL...</li> </ul> <p>Chiều dài 100cm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành ống mỏng cho đường kính trong rộng. Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 4Fr: 750psi, 5Fr: 1000psi.</li> <li>- Kích thước: đường kính 5F-6F, dài 10cm hoặc 16cm</li> </ul>	Cái	30	
46	58	Bộ mở đường vào mạch đùi	<p>Cấu tạo gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim chọc mạch cỡ 18G hoặc 20G</li> <li>- Mini plastic guide wire cỡ 0.025", 0.035", dài 45cm</li> <li>- Bơm tiêm 2.5ml</li> <li>- Introducer sheath</li> <li>- Dilator (que nong)</li> </ul> <p>Đặc điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Van cầm máu kiểu "Cross-Cut"</li> <li>- Kích thước: cỡ 4F, 5F, 6F, 7F, 8F, dài 7cm, 10cm</li> <li>- Vật liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene)</li> <li>- Kích thước: đường kính 5F-6F,</li> </ul>	Bộ	20	



STT	STT chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
			dài 10cm hoặc 16cm			
47	59	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Everolimus	- Phủ thuốc Everolimus, khung bằng hợp kim Platinum - Độ dày khung $\leq 81\mu\text{m}$ - Đường kính tối thiểu $\leq 2.25\text{mm}$ , đường kính khung tối đa $\geq 5.0\text{mm}$ - Chiều dài khung tối thiểu $\leq 10\text{mm}$ , chiều dài khung tối đa $\geq 48\text{mm}$	Cái	15	
48	60	Bóng nong mạch vành áp lực thường đầu tip đường kính $\geq 0.017\text{inch}$	- Đầu tip đường kính $\geq 0.017\text{inch}$ . - Áp lực trung bình tối thiểu $\leq 6\text{atm}$ , áp lực vỡ bóng $\geq 12\text{atm}$ . - Đường kính: tối thiểu $\leq 1.2\text{ mm}$ , tối đa $\geq 4.0\text{ mm}$ . - Chiều dài: tối thiểu $\leq 8\text{ mm}$ , tối đa $\geq 30\text{ mm}$ . - Chiều dài catheter $\geq 142\text{ mm}$ .	Cái	15	
49	61	Bóng nong mạch vành áp lực cao, đường kính lớn	- Đầu tip đường kính $\geq 0.017\text{inch}$ . - Áp lực trung bình $\geq 12\text{atm}$ , áp lực vỡ bóng $\geq 18\text{atm}$ . - Đường kính: tối thiểu $\leq 2.0\text{ mm}$ , tối đa $\geq 6.0\text{ mm}$ . - Chiều dài: tối thiểu $\leq 6\text{ mm}$ , tối đa $\geq 30\text{ mm}$ . - Chiều dài catheter $\geq 142\text{ mm}$ .	Cái	15	
50	62	Ống sonde laser đốt suy giãn tĩnh mạch		Ống	30	
51	63	Dụng cụ hút huyết khối tĩnh mạch chi dưới		Bộ	10	
<b>III</b>		<b>Khoa mắt</b>				
1	64	Thủy tinh thể đơn tiêu cự 4 càng khép kín	- Thủy tinh thể mềm 1 mảnh, đơn tiêu cự, phi cầu. - Chất liệu acrylic hỗn hợp không ngậm nước và ngậm nước - Kính lọc tia UV, trong suốt - Dãy diopter từ 5,0 D đến + 35,0 Đ	Cái	300	
2	65	Thủy tinh thể tăng cường thị lực trung gian	- Chất liệu Acrylic hỗn hợp, ngậm nước $\geq 25\%$ , kính trong không nhuộm màu. - Đường kính optic 6mm. Đường kính tổng $\geq 12,4\text{mm}$ - Càng chữ C hoặc L, dạng càng kép.	Cái	400	
3	66	Thủy tinh thể nhân tạo 880UV	Thủy tinh thể mềm 1 mảnh, chất liệu Hydrophobic Acrylic, lọc tia cực tím UV; Mắt kính phi cầu cao cấp (Aspheric) mang đến độ tập trung tối ưu, giảm thiểu PCO; Chi số khúc xạ 1.47; Đường kính Optic 6mm; chiều dài kính 12,5mm	Cái	500	
4	67	Thủy tinh thể nhân tạo	- Thủy tinh thể mềm, đơn tiêu. Phi cầu. Quang sai bằng không. Một mảnh - Chất liệu hydrophilic acrylic, HEMA/EOEMA copolymer, chống tia cực tím, lọc ánh sáng	Cái	500	

STT	STT chào giá	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
			tím - Đường kính tổng thể 13mm - Đường kính optic 6mm - Càng chữ C			
5	68	Dịch nhầy	- Dịch nhầy Sodium hyaluronate (NaHa) 2.0% - Độ nhớt: 40.000 - 60.000 mPa.s - Độ thẩm thấu: 250-350 mOsmol/l - Độ PH: 7-7.5	Hộp	200	
6	69	Dịch nhầy mỡ Phaco	Dịch nhầy sử dụng cho phẫu thuật Phaco. Thành phần Hydroxypropyl Methyl cellulose (HPMC) Nồng độ: 2% Độ pH 6,8-7,4; Độ nhớt từ 4500 đến 5500 cps	Hộp	1500	
7	70	Dao mổ phaco	Kích thước 2.8mm, lưỡi thép không gỉ, vát 2 mặt	Hộp	1700	
8	71	Dao mổ mắt 15 độ	Dao mổ phụ 15 độ, lưỡi thép không gỉ	Hộp	1700	
9	72	Mực nhuộm bao	Đựng trong lọ thủy tinh. Độ pH từ 6.8 đến 7.6. Sodium Chloride IP 8.2 mg	Hộp	200	
10	73	Chỉ khâu nhãn khoa 10.0	Chỉ khâu mắt sợi đơn Nylon (Polyamide 66) số 10.0 màu đen, chiều dài 30cm, hai kim cong 2 đầu	Sợi	500	
<b>IV</b>		<b>Khoa ung bướu</b>				
1	74	Bộ dụng cụ đặt buồng tiêm truyền dưới da		Bộ	100	
2	75	Kim sinh thiết u phổi các cỡ	Gồm kim sinh thiết bán tự động + kim đồng trục	Bộ	100	
3	76	Buồng tiêm truyền hóa chất	Loại 48 giờ	Cái	2000	
4	77	Dẫn lưu áp lực âm	Các cỡ	Bộ	200	
5	78	Miếng dán vô trùng chống nước	Các cỡ	Miếng	2000	
<i>Tổng cộng: 78 danh mục</i>						